Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

# CHỦ ĐỀ 1. MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG

## BÀI 1: LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN MÁY TÍNH (2 Tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển máy tính.
* Nêu được ví dụ cho thấy sự phát triển máy tính đã đem đến những thay đổi lớn lao cho xã hội loài người.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giao tiếp và hợp tác:* có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học.

***Năng lực riêng:***

* Phát triển năng lực tự học thông qua việc nghiên cứu sự phát triển của máy tính.
* Nuôi dưỡng trí tưởng tượng, tiếp thu những ý tưởng sáng tạo qua những phát minh công nghệ.
* Phát triển năng lực tư duy sáng tạo nhằm giải quyết những vấn đề công nghệ.
* Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lí vào trao đổi thông tin để tìm hiểu về lịch sử phát triển của các tiến bộ trong công nghệ tính toán.

**3. Phẩm chất**

* Rèn luyện đức tính chăm chỉ, sáng tạo.
* Yêu nước và trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Tin học 8.
* Máy tính, máy chiếu.
* Phiếu học tập
* Giấy khổ lớn (A2).

**2. Đối với học sinh**

* SGK, SBT Tin học 8.

**III. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG**

* Tiết 1: phần Khởi động và mục 1, 2 phần Khám phá.
* Tiết 2: mục 3 phần Khám phá, phần Luyện tập, phần Vận dụng.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Dẫn dắt, gợi mở kiến thức cho HS trước khi vào bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trả lời được câu hỏi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

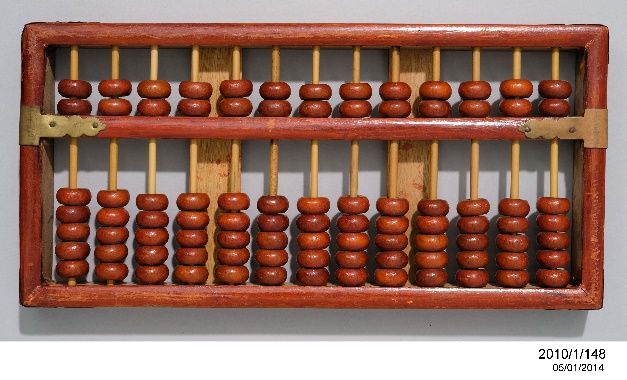
**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV dẫn dắt: *Từ thời nguyên thủy, loài người đã biết sử dụng các ngón tay, viên sỏi, lá cây,… làm công cụ hỗ trợ việc tính toán. Khoảng 5000 năm trước, con người đã chế tạo ra bàn tính để thực hiện các phép tính số học.*

-GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau và trả lời câu hỏi:

*+ Con người tạo ra công cụ tính toán để làm gì? Những công cụ tính toán nào đã được con người sử dụng từ thời xa xưa?*

*+ Theo em, máy tính điện tử có từ bao giờ? Các máy tính ngày nay khác gì với những công cụ tính toán trước đây?*



**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc thông tin đoạn văn bản.

- HS trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi:

*+ Con người tạo ra công cụ tính toán để hỗ trợ việc tính toán thuận tiện và dễ dàng hơn. Những công cụ tính toán đã được sử dụng từ thời xa xưa: ngón tay, viên sỏi, lá cây, bàn tính,…*

*+ Theo em máy tính điện tử có từ đầu thế kỉ 20. Các máy tính ngày này tính toán khoa học, nhanh chóng và dễ dàng hơn công cụ tính toán trước đây.*

- GV mời HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Để tìm hiểu xem máy tính được phát triển như thế nào và được sử dụng ra sao, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay –* ***Bài 1: Lịch sử phát triển máy tính.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Máy tính điện cơ và kiến trúc Von Neumann**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được một số thành tựu để minh họa sơ lược quá trình phát triển từ máy tính cơ học đến máy tính điện cơ, từ mô hình máy tính đa năng đến kiến trúc Von Neumann.

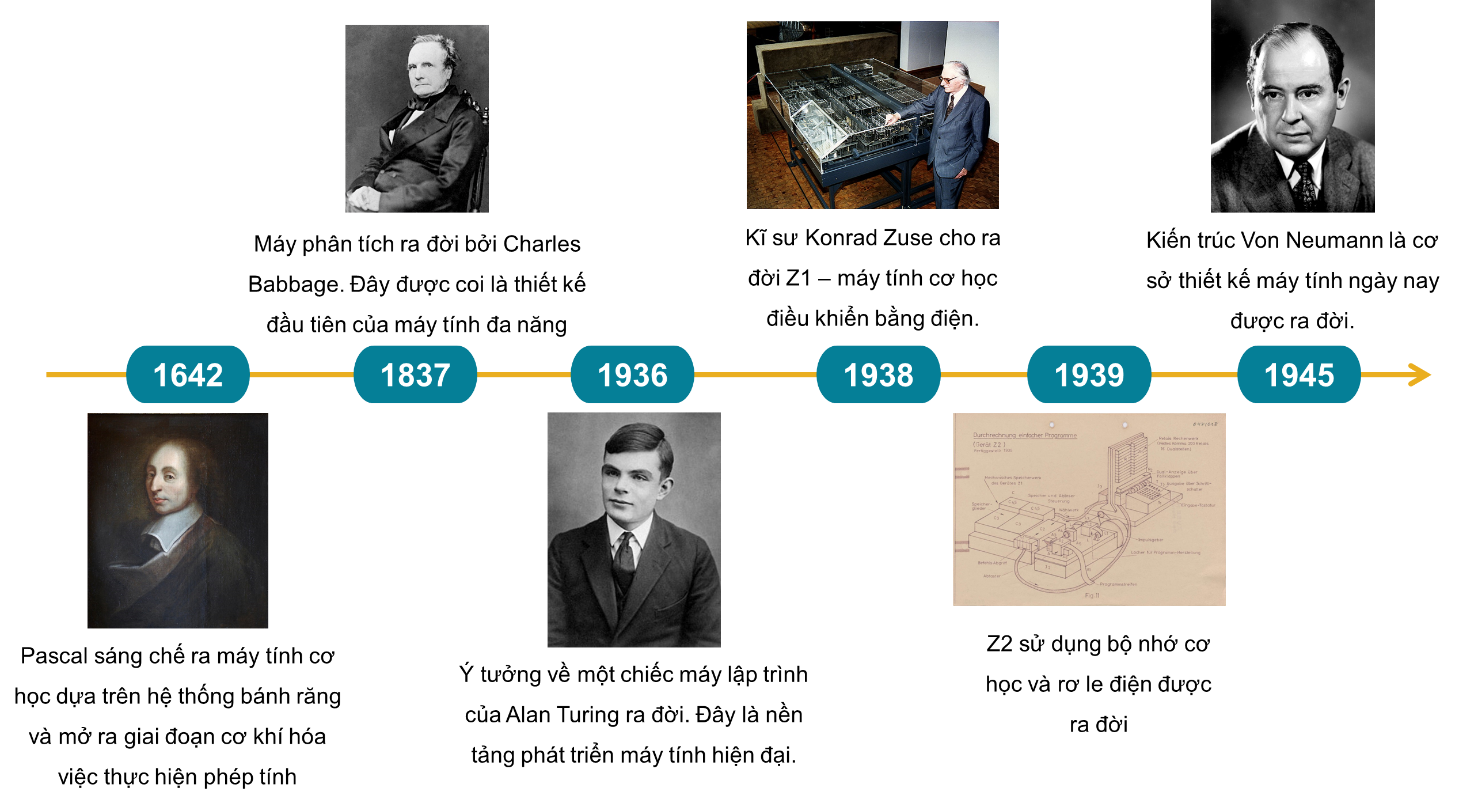
**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS đọc thông tin mục 1 - SGK.5, 6 và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu và ghi được vào vở: Các mốc thời gian của Máy tính điện cơ và kiến trúc Von Neumann.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 1 và thực hiện nhiệm vụ: *Em hãy vẽ Đường thời gian mô tả các giai đoạn phát triển của máy tính điện cơ.*  ***-***GV yêu cầu HS quan sát Hình 2, 3 thảo luận nhóm (4 HS)và điền vào ***Phiếu bài tập số 1, 2*** ***(đính kèm cuối mục)***:  *+ Nhóm chẵn: Em hãy nêu những khác biệt giữa: máy tính Pascaline, máy phân tích, máy Turing, máy tính Z1 và máy tính Z2.*    *Hình 2. Máy tính cơ học Pascaline*  *+ Nhóm lẻ: Những bộ phận nào trong máy tính ngày nay có trong kiến trúc Von Neumann.*    - GV đặt thêm câu hỏi:  *+ Theo em, tại sao Z2 được gọi là máy tính cơ học? Máy tính Z2 có bộ phận nào là điện, bộ phận nào là cơ học?*  *+ Tại sao máy tính Z1 không được gọi là máy tính điện cơ?*  - GV chốt kiến thức tại ***Hộp ghi nhớ - SGK tr.6.***  *+ Năm 1642, Pascal sáng chế ra máy tính cơ học dựa trên hệ thống bánh răng.*  *+ Năm 1939, Zuse sáng chế ra máy tính điện cơ với bộ nhớ cơ học và sử dụng rơ le điện cho bộ xử lí số học và logic.*  *+ Năm 1945, kiến trúc máy tính Von Neumann được đề xuất và là cơ sở của thiết kế máy tính ngày nay.*  - GV cho HS theo dõi video sau để biết thêm về Alan Turing – người được coi là cha đẻ của ngành Khoa học máy tính:  [youtu.be/awP9n2v\_c2E](https://youtu.be/awP9n2v_c2E)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin SGK.5-6 và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày về: *Lịch sử máy tính điện cơ và kiến trúc Von Neumann.*  - GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Máy tính điện cơ và kiến trúc Von Neumann**  ***\* Hoạt động 1: Đọc (và quan sát):***  ***(phiếu bài tập và đường thời gian đính kèm cuối mục).***  ***\* Hoạt động 2: Làm:***  - Z2 được gọi là máy tính cơ học vifcos bộ xử lí số học và logic được chế tạo bằng các rơ le điện, các bộ phận khác vẫn là thiết bị cơ học.  - Z1 không được gọi là máy tính điện cơ vì các bộ phận cơ bản của máy tính như bộ điều khiển, bộ nhớ, thiết bị vào – ra vẫn là thiết bị cơ học.  ***\* Hoạt động 3: Ghi nhớ: SGK tr.6*** |

***Đường thời gian máy tính điện cơ và kiến trúc Von Neumann.***

******

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 1. MÁY TÍNH ĐIỆN CƠ**  ***Nhóm:……*** | | | | | | |
| **Thời gian** | **Tên sản phẩm phát minh, sáng chế** | **Đặc điểm** | | | | |
| **Bộ phận xử lí, điều khiển** | **Bộ nhớ** | **Có thể lập trình** | **Cơ học** | **Điện** |
| 1642 | Máy tính Pascaline | 🗶 | 🗶 | 🗶 | ✓ | 🗶 |
| 1837 | Máy phân tích | ✓ | ✓ | 🗶 | ✓ | 🗶 |
| 1936 | Máy Turing | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | 🗶 |
| 1938 | Máy tính Z1 | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | 🗶 |
| 1939 | Máy tính Z2 | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 2. CÁC BỘ PHẬN TRONG KIẾN TRÚC VON NEUMANN VÀ MÁY TÍNH NGÀY NAY**  ***Nhóm:……*** | | | | |
|  | **Các bộ phận** | | | |
| **Bộ phận xử lí trung tâm** | **Bộ nhớ trong** | **Bộ nhớ ngoài** | **Thiết bị vào, ra** |
| Kiến trúc Von Neumann | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Máy tính ngày nay | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |

**Hoạt động 2: Lịch sử phát triển máy tính điện tử**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS trình bày được sơ lược lịch sử phát triển máy tính điện tử

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS đọc thông tin SGK mục 2 – SGK tr.6,7 và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS biết lịch sử ra đời của máy tính điện tử.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV quan sát mục 2 và trả lời câu hỏi: *Máy tính điện tử phát triển qua mấy thế hệ?*  - GV yêu cầu HS đọc mục 2 – SGK tr.6, 7, luận theo nhóm (4 HS) và thực hiện nhiệm vụ vào ***Phiếu học tập số 3 (đính kèm cuối mục)***: *Em hãy nêu thông tin của máy tính điện tử qua từng thế hệ:*  *+ Nhóm 1: Thế hệ thứ nhất*  *+ Nhóm 2: Thế hệ thứ hai*  *+ Nhóm 3: Thế hệ thứ ba*  *+ Nhóm 4: Thế hệ thứ tư*  *+ Nhóm 5: Thế hệ thứ năm*  - GV gợi ý: *Các nhóm trình bày theo các ý sau:*  *+ Khoảng thời gian xuất hiện.*  *+ Đặc điểm về công nghệ, tốc độ, bộ nhớ.*  *+ Nêu tên máy tính đại diện của mỗi thế hệ.*  *­*- GV tiếp tục đặt câu hỏi:  *+ Máy vi tính thuộc thế hệ nào? Tại sao chúng được gọi là máy vi tính?*  *+ Tại sao máy tính thế hệ thứ năm trở lên thông minh hơn?*  - GV cho HS xem video sau để hiểu thêm về các sự ra đời của máy tính:  [youtube.com/watch?v=KYW1HvgEpLk](https://www.youtube.com/watch?v=KYW1HvgEpLk)  [youtube.com/watch?v=K51Hgc7LZLM](https://www.youtube.com/watch?v=K51Hgc7LZLM)  - GV yêu cầu HS quan sát các hình trong SGK tr.7 và thực hiện: *Em hãy sắp xếp các thiết bị dưới đây theo trình tự của quá trình phát triển các thế hệ máy tính điện tử.*    - GV tiếp tục đặt câu hỏi: *Những máy tính thế hệ sau có ưu điểm gì so với những máy tính thế hệ trước?*  - GV kết luận:  *+ Thời gian ra đời: những năm 1940.*  *+ Năm thế hệ máy tính gắn liền với các tiến bộ công nghệ:*  *• Đèn điện tử chân không*  *• Bóng bán dẫn*  *• Mạch tích hợp*  *• Vi xử lí*  *• Vi xử lí mật độ tích hợp siêu cao.*  *+ Càng về sau, các máy tính càng nhỏ, nhẹ; tiêu thụ ít điện năng; tốc độ, độ tin cậy cao hơn; dung lượng bộ nhớ lớn hơn; thông minh hơn và giá thành hợp lí hơn.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin SGK mục 2 - SGK tr. 6, 7 và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày về: *Lịch sử ra đời của máy tính điện tử.*  - GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và kết luận.  - GV chuyển sang Hoạt động mới. | **2. Lịch sử phát triển máy tính điện tử**  ***\* Hoạt động 1: Đọc (và quan sát):***  ***a) Thế hệ thứ nhất***  - Thời gian: 1945 – 1955  - Đặc điểm:  + Công nghệ: đèn điện tử chân không.  + Tốc độ: vài nghìn  + Bộ nhớ: thẻ đục lỗ  - Ví dụ: ENIAC (1945),…    ENIAC 1945  ***b) Thế hệ thứ hai***  - Thời gian: 1955 – 1965  - Đặc điểm:  + Công nghệ: bóng bán dẫn  + Tốc độ: vài chục nghìn  + Bộ nhớ: lõi từ  - Ví dụ: IBM 1602 (1959), Minsk 22 (1965),…    IBM 1602 (1959)    Minsk 22 (1965)  ***c) Thế hệ thứ ba***  - Thời gian: 1965 - 1974  - Đặc điểm:  + Công nghệ: mạch tích hợp  + Tốc độ: hàng triệu  + Bộ nhớ: RAM (hàng MB)  + Ví dụ: IBM 370 (1970),…    IBM 370 (1970)  ***d) Thế hệ thứ tư***  - Thời gian: 1974 – 1989  - Đặc điểm:  + Công nghệ: bộ vi xử lí VLSI  + Tốc độ: hàng tỉ  + Bộ nhớ: hàng GB.  - Ví dụ: Altair 8800 (1975),…    Altair 8800 (1975)  ***e) Thế hệ thứ năm***  - Thời gian: 1990 - nay  - Đặc điểm:  + Công nghệ: bộ vi xử lí ULSI  + Tốc độ: Hàng triệu tỉ.  + Bộ nhớ: Hàng TB  - Ví dụ: trợ lí ảo, siêu máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh,…    Siêu máy tính    Trợ lí ảo  - Máy vi tính thuộc thế hệ thứ 4. Chúng được gọi là máy vi tính vì chúng sử dụng công nghệ vi sử tích hợp mật độ rất cao.  - Máy tính thế hệ thứ năm trở nên thông minh hơn vì sự phát triển của công nghệ phần cứng tạo điều kiện cho AI ra đời.  ***\* Hoạt động 2: Làm***  - Sắp xếp từ thế hệ thứ nhất đến thế hệ thứ năm: d – b – c – a – e.  - Máy tính thế hệ sau có nhiều cải tiến tốt hơn so với máy tính thế hệ trước:  + Kích thước: ngày càng nhỏ gọn hơn.  + Trọng lượng: ngày càng nhẹ hơn.  + Tốc độ: nhanh hơn.  + Độ tin cậy: cao hơn.  + Dễ sử dụng hơn.  + Giá cả hợp lí hơn.  + Dung lượng bộ nhớ: lớn hơn.  + Tiêu thụ ít điện năng hơn  ***\* Hoạt động 3: Ghi nhớ - SGK tr.7*** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 3. SƠ LƯỢC LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN MÁY TÍNH ĐIỆN TỬ**  ***Nhóm: ……*** | | | | | |
| **Thế hệ** | **Khoảng thời gian xuất hiện** | **Công nghệ** | **Tốc độ xử lí** | **Vật liệu nhớ, dung lượng** | **Ví dụ (máy tính điển hình)** |
| Thứ nhất | 1945 – 1955 | Đèn điện tử chân không | Vài nghìn | Thẻ đục lỗ | ENIAC (1945) |
| Thứ hai | 1955 – 1965 | Bóng bán dẫn | Vài chục nghìn | Lõi từ, hàng chục nghìn bit | IBM 1620 (1959) |
| Thứ ba | 1965 – 1974 | Mạch tích hợp | Hàng triệu | Bán dẫn, hàng MB | IBM 370 (1970) |
| Thứ tư | 1974 – 1989 | Vi xử lí VLSI | Hàng tỉ | Hàng GB | Altair 8800 (1975) |
| Thứ năm | 1990 – nay | Vi xử lí ULSI | Hàng triệu tỉ | Hàng TB | Siêu máy tính, điện thoại thông minh,… |

**Hoạt động 3: Máy tính mang lại thay đổi cho xã hội loài người**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được ví dụ cho thấy sự phát triển máy tính đã đem đến những thay đổi lớn lao cho xã hội loài người.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS đọc thông tin mục 3 - SGK.8, 9, quan sát Hình 4 – Hình 9 và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu và ghi được vào vở:

- Những thay đổi mà máy tính mang đến cho xã hội loài người.

- Vai trò của thiết bị thông tin, hệ thống thông tin đối với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, kinh tế tri thức.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***-***GV yêu cầu HS đọc mục 3 – SGK tr.8, 9, quan sát Hình 4 – Hình 9, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi: *Em hãy nêu những thay đổi mà Tin học mang lại cho xã hội loài người trong các lĩnh vực sau:*  *+ Nhóm 1: Xã hội thông tin.*    *+ Nhóm 2: Nông nghiệp thông minh.*    *+ Nhóm 3: Công nghiệp thông minh.*    - GV cho HS xem video sau để hiểu hơn về các trang trại thông minh ở Hàn Quốc: [youtu.be/fpiwgyiTuP0](https://youtu.be/fpiwgyiTuP0)  - GV cho HS xem video sau về giải pháp nhà máy thông minh thời đại 4.0: [youtu.be/QeSBs0E-YKw](https://youtu.be/QeSBs0E-YKw)  ***-***GV tiếp tục đặt câu hỏi: *Em hãy nêu vai trò của thiết bị thông minh, hệ thống thông minh đối với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, kinh tế tri thức. Theo em, cách mạng công nghiệp 4.0, kinh tế tri thức đã, đang và sẽ mang lại những thay đổi gì cho xã hội loài người?*  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi: *Hãy trao đổi với bạn và cho biết:*  *+ Vai trò của máy tính trong việc hình thành, phát triển xã hội thông tin, nông nghiệp, công nghệ thông minh.*  *+ Nêu ví dụ về máy tính làm thay đổi các lĩnh vực khác như: văn hóa, giáo dục, y tế, giao thông, thương mại, du lịch, giải trí,…*  - GV nhấn mạnh: *Từ ảnh hưởng của máy tính, con người cũng phải tự mình thay đổi để thích nghi với môi trường công nghệ. Sự thay đổi của con người trong mọi hoạt động chính là sự thay đổi lớn.*  - GV gọi HS trả lời và bổ sung.  - GV chốt kiến thức: *Con người thúc đẩy sự phát triển của máy tính và chính sự phát triển của máy tính đã mang đến những thay đổi lớn lao cho xã hội loài người như việc hình thành, phát triển xã hội thông tin, nông nghiệp, công nghiệp thông minh, Cách mạng công nghiệp 4.0 và kinh tế tri thức.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin SGK.8, 9, quan sát Hình 4 – Hình 9 và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày về: *Ảnh hưởng của máy tính với sự thay đổi của xã hội loài người.*  - GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  - GV chuyển sang Hoạt động Luyện tập. | **3. Máy tính mang lại thay đổi cho xã hội loài người.**  ***\* Hoạt động 1: Đọc (và quan sát)***  ***a. Xã hội thông tin:***  - Hình thành, phát triển xã hội thông tin.  - Con người dễ dàng, nhanh chóng tiếp cận, chia sẻ thông tin trên mọi lĩnh vực.  - Thay đổi cách thức thu thập, lưu trữ, xử lí, chia sẻ thông tin.  - Cung cấp nền tảng, phương tiện kết nối, khai thác thông tin.  - Ví dụ:    Đọc báo điện tử    Tương tác trên mạng xã hội    Trò chuyện trực tuyến    Gửi thư điện tử  ***b. Nông nghiệp, công nghiệp thông minh***  ***Nông nghiệp thông minh:***  - Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất.  - Các thiết bị thông minh tạo thành hệ thống tự thu thập, truyền, xử lí,…  - Ví dụ: trang trại thông minh cho phép tự động tưới tiêu, cung cấp thức ăn cho vật nuôi, dưỡng chất cho cây trồng,…    Điều khiển tưới tiêu bằng ứng dụng trên điện thoại thông minh.  ***Công nghiệp thông minh***  - Xuất hiện nhà máy thông minh được tự động hóa hoàn toàn.  - Hệ thống thông minh thực hiện các công đoạn: nguyên liệu đầu vào, quá trình sản xuất, tối ưu hóa,…    Nhà máy sản xuất ô tô tự động hóa  ***c. Cách mạng công nghiệp 4.0 và kinh tế tri thức***  - Thiết bị thông minh: ứng dụng công nghệ cao vào hoạt động đời sống  → Tạo nền tảng cho cách mạng 4.0 phát triển.  - Hệ thống thông minh: khai thác, sử dụng tri thức.  → Là cơ sở hình thành, phát triển kinh tế tri thức.  ⇨ Cách mạng 4.0 và kinh tế tri thức đã, đang và sẽ mang lại nhiều thay đổi to lớn cho xã hội loài người.  ***\* Hoạt động 2: Làm***  - Vai trò của máy tính:  + Là nền tảng cho sự ra đời và phát triển của tin học.  + Tin học là nền tảng cho việc hình thành, phát triển xã hội thông tin, nông nghiệp, công nghiệp thông minh.  - Ví dụ về máy tính trong một số lĩnh vực khác:  + Giáo dục: học tập trực tuyến, tra cứu thông tin, từ điển,…  + Y tế: khám chữa bệnh trực tuyến,…  + Du lịch: đặt vé máy bay, khách sạn trực tuyến, tham quan bảo tàng 3D,…  + Giải trí: xem phim, nghe nhạc, chơi trò chơi,…  + Thương mại: mua hàng qua các trang thương mại điện tử như Shopee, Tiki,… |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV nêu nhiệm vụ; HS trả lời để luyện tập các kiến thức đã học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chọn được đáp án đúng cho câu hỏi trắc nghiệm.

**d. Tổ chức hoạt động:**

***Nhiệm vụ 1: Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: *Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng*

***Câu 1.*** *Nhà bác học Blaise Pascal đã sáng chế ra chiếc máy tính cơ học dựa trên nguyên lí nào?*

*A. Hệ thống hơi nước*

*B. Hệ thống bánh răng*

*C. Hệ thống điện.*

*D. Hệ thống nhiệt.*

***Câu 2.*** *Bộ vi xử lí là linh kiện máy tính dựa trên công nghệ nào?*

*A. Đèn điện tử chân không*

*B. Bóng bán dẫn.*

*C. Mạch tích hợp*

*D. Mạch tích hợp mật độ rất cao VLSI.*

***Câu 3.*** *Đâu là chiếc máy tính thế hệ thứ hai được đưa vào nước ta?*

*A. Minsk22*

*B. ENIAC 1945*

*C. IBM PC*

*D. IBM 370*

***Câu 4.*** *Đâu là yếu tố giúp các máy tính thế hệ thứ năm trở nên thông minh hơn?*

*A. Sự phát triển của công nghệ phần cứng.*

*B. Sự ra đời của Internet..*

*C. Sự thay đổi của cuộc cách mạng công nghệ*

*D. Sự xuất hiện của trợ lý ảo.*

***Câu 5.*** *Máy tính đã ảnh hưởng như thế nào đến xã hội thông tin?*

*A. Giúp con người chia sẻ thông tin.*

*B. Giúp con người xem tin tức trên báo điện tử.*

*C. Giúp con người tương tác trên Facebook.*

*D. Cả A, B, C đều đúng.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

**Câu 1.** *Đáp án B.*

**Câu 2.** *Đáp án D.*

**Câu 3.** *Đáp án A.*

**Câu 4.** *Đáp án A.*

**Câu 5.** *Đáp án D.*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

***Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi phần Luyện tập SGK tr.9***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu:

***Câu 1.*** *Em hãy nêu sơ lược lịch sử phát triển của máy tính. Theo em, điều gì giúp máy tính trở nên gọn nhẹ hơn, nhanh hơn, thông minh hơn?*

***Câu 2.*** *Theo em các tên gọi khác nhau của máy vi tính thể hiện điều gì? (ví dụ như: máy tính cơ học, máy tính điện cơ, máy tính điện tử, máy vi tính, máy tính cá nhân, máy tính thông minh).*

***Câu 3.*** *Em hãy nêu ví dụ cho thấy sự thay đổi lớn lao mà máy tính mang đến cho xã hội loài người.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm đôi, dựa vào kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày trước lớp:

***Câu 1.*** *Sơ lược lịch sử phát triển của máy tính:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Thế hệ*** | ***Khoảng thời gian xuất hiện*** | ***Công nghệ*** | ***Tốc độ xử lí*** | ***Vật liệu nhớ, dung lượng*** | ***Ví dụ (máy tính điển hình)*** |
| *Thứ nhất* | *1945 – 1955* | *Đèn điện tử chân không* | *Vài nghìn* | *Thẻ đục lỗ* | *ENIAC (1945)* |
| *Thứ hai* | *1955 – 1965* | *Bóng bán dẫn* | *Vài chục nghìn* | *Lõi từ, hàng chục nghìn bit* | *IBM 1620 (1959)* |
| *Thứ ba* | *1965 – 1974* | *Mạch tích hợp* | *Hàng triệu* | *Bán dẫn, hàng MB* | *IBM 370 (1970)* |
| *Thứ tư* | *1974 – 1989* | *Vi xử lí VLSI* | *Hàng tỉ* | *Hàng GB* | *Altair 8800 (1975)* |
| *Thứ năm* | *1990 – nay* | *Vi xử lí ULSI* | *Hàng triệu tỉ* | *Hàng TB* | *Siêu máy tính, điện thoại thông minh,…* |

*- Máy tính trở nên gọn nhẹ hơn, nhanh hơn, thông minh hơn là nhờ sự phát triển của công nghệ (từ đèn điện tử chân không – bóng bán dẫn – mạch tích hợp – VLSI – ULSI) và sự phát triển của thiết bị phần cứng tạo điều kiện để phát triển trí tuệ nhân tạo, từ đó giúp máy tính trở nên thông minh hơn.*

***Câu 2:*** *Các tên gọi khác nhau của máy vi tính thể hiện* *công nghệ được sử dụng để sản xuất máy tính đó (cơ học, cơ điện, điện tử, bộ vi xử lí), đối tượng sử dụng (máy tính cá nhân), tính thông minh (trí tuệ nhân tạo).*

***Câu 3:*** *Ví dụ cho thấy sự thay đổi lớn lao mà máy tính mang đến cho xã hội loài người:*

*+ Giúp con người kết nối, tương tác với nhau thông qua các trang mạng xã hội.*

*+ Giúp con người học tập và làm việc từ xa.*

*+ Giúp con người mua sắm hàng hóa trực tuyến mà không cần đi chợ truyền thống.*

*+ Giúp con người tìm kiếm thông tin, kiến thức.*

*+ Giúp con người giải trí: nghe nhạc, xem phim,…*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV nêu nhiệm vụ; HS vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS trong phần Vận dụng SGK tr.9

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và thực hiện các bài tập sau:

***Bài tập 1:*** *Những máy tính em đang sử dụng thuộc thế hệ nào?*

***Bài tập 2:*** *Hãy nêu những thay đổi mà máy tính mang lại cho bản thân em, gia đình em.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận nhóm và vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

***Bài tập 1:*** *Gợi ý: Máy tính em đang sử dụng là máy tính xách tay và máy tính bảng: là các máy tính thuộc thế hệ thứ năm.*

***Bài tập 2:*** *Gợi ý: Những thay đổi mà máy tính mang lại cho bản thân em, gia đình em:*

*+ Trao đổi thông tin và liên lạc với bạn bè, người thân ở xa.*

*+ Tìm kiếm, tra cứu thông tin để giúp cho việc học tập.*

*+ Giải trí: xem phim, nghe nhạc, chơi trò chơi,…*

*+ Mua sắm hàng hóa trực tuyến,…*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**E. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

* Ôn lại kiến thức đã học.
* Làm bài tập Bài 1 trong Sách bài tập Tin học 8.
* Đọc và tìm hiểu trước ***Bài 2: Thông tin trong môi trường số.***

Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

# CHỦ ĐỀ 2. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN

## BÀI 2: THÔNG TIN TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ (2 Tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Nêu được các đặc điểm của thông tin số.
* Trình bày được tầm quan trọng của việc biết khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy, nêu được ví dụ minh họa.
* Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lí và trao đổi thông tin trong môi trường số, nêu được ví dụ minh họa.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giao tiếp và hợp tác:* có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học.

***Năng lực riêng:***

* Phát triển năng lực tự học thông qua việc nghiên cứu đặc điểm của thông tin số, cách nó tồn tại và được khai thác trong xã hội.
* Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.
* Bước đầu hình thành năng lực khai thác thông tin số trong học tập và phát triển năng lực tự học.
* Hợp tác trong môi trường số hiệu quả dựa trên sự hiểu biết về đặc điểm đa dạng và độ tin cậy khác nhau của thông tin trong môi trường số.

**3. Phẩm chất**

* Rèn luyện đức tính chăm chỉ, sáng tạo không ngừng nâng cao hiệu suất lao động.
* Rèn luyện đức tính trung thực, xác lập thái độ trách nhiệm trong việc khai thác và sử dụng thông tin kĩ thuật số.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Tin học 8.
* Máy tính, máy chiếu.
* Phòng thực hành tin học (tiết 2).

**2. Đối với học sinh**

* SGK, SBT Tin học 8.

**III. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG**

* Tiết 1 (lí thuyết): Các phần Khởi động, Khám phá và Luyện tập.
* Tiết 2 (thực hành): Phần Thực hành và phần Vận dụng.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Dẫn dắt, gợi mở kiến thức cho HS trước khi vào bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi dẫn dắt HS tìm hiểu đặc điểm của thông tin số.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trả lời được câu hỏi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu vấn đề:

*Hãy trao đổi với bạn và cho biết tại sao ngày nay, nhiều người thường tìm kiếm thông tin trên Internet thay vì trên sách, báo truyền thống.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc yêu cầu, thảo luận cặp đôi về lí do ngày nay nhiều người thường tìm kiếm thông tin trên Internet thay vì trên sách, báo truyền thống.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS có thể nêu một số lí do:

*+ Internet cho phép tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng, dễ dàng.*

*+ Thông tin trên Internet rất đa dạng.*

*+ Thông tin trên Internet thường xuyên được cập nhật.*

*+ ...*

- GV mời HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Thông tin số có đặc điểm gì, chúng ta cùng khám phá bài học hôm nay –* ***Bài 2: Thông tin trong môi trường số.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm của thông tin số**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được đặc điểm của thông tin số.

**b. Nội dung:** HS đọc thông tin mục 1 - SGK.10, 11 và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**

- HS nêu và ghi được vào vở các đặc điểm của thông tin số.

- HS lí giải được các đặc điểm của thông tin trên Internet thông qua các đặc điểm của thông tin số.

- HS nhận thất được, ngoài 6 đặc điểm đã cho trong SGK, thông tin còn có thể được truy cập từ xa và nhiều người có thể truy cập thông tin cùng lúc.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 6 nhóm HS, mỗi nhóm tìm hiểu và trình bày một đặc điểm của thông tin số, lấy ví dụ minh họa.  - GV có thể đặt thêm các câu hỏi để các nhóm hiểu sâu nội dung mình tìm hiểu:  *+ Tại sao nói thông tin số có nhiều dạng?*  *+ Vì sao nói thông tin số có thể được tìm kiếm, xử lí, chuyển đổi, truyền hiệu quả, nhanh chóng?*  *+ Tại sao nói thông tin số có dễ dàng được sao chép, khó thu hồi triệt để?*  *+ Tại sao nói thông tin số có tính bản quyền và dễ bị vi phạm bản quyền?*  *+ Nguyên nhân nào dẫn đến thông tin số có độ tin cậy khác nhau?*  *+ Vì sao nói thông tin số được thu thập, lưu trữ, chia sẻ nhanh, nhiều bởi các tổ chức, cá nhân?*  - GV cho HS thảo luận cặp đôi, hoàn thành bài tập trong mục ***Hoạt động Làm*** SGK tr.11:  *1. Hãy trao đổi với bạn và giải thích lí do thông tin trên Internet có những đặc điểm sau đây:*  *a) Nguồn thông tin khổng lồ, đa dạng, phong phú.*  *b) Thường xuyên được cập nhật.*  *c) Trao đổi dễ dàng, lan truyền nhanh chóng, khó thu hồi triệt để.*  *d) Có thể tìm kiếm dễ dàng, nhanh chóng.*  *e) Có nguồn thông tin đáng tin cậy nhưng cũng có những nguồn thông tin không đáng tin cậy.*  *2. Đặc điểm nào sau đây* ***không*** *thuộc về thông tin số?*  *a) Nhiều người có thể truy cập đồng thời.*  *b) Chỉ cho phép một người sử dụng tại một thời điểm.*  *c) Có công cụ hỗ trợ tìm kiếm, xử lí, chuyển đổi hiệu quả.*  *d) Có thể truy cập từ xa.*  - GV lưu ý HS đặc điểm a (nhiều người có thể truy cập đồng thời) và d (có thể truy cập từ xa) là hai đặc điểm nữa của thông tin số (chưa đề cập ở ***Hoạt động đọc và quan sát*** trong SGK)  - GV tổ chức để HS tự tóm tắt, chốt kiến thức như nội dung tại mục ***Ghi nhớ***.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin SGK tr.10 - 11, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.  - HS hoàn thành bài tập trong mục ***Hoạt động Làm*** SGK tr.11.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày về: *Đặc điểm của thông tin số.*  - GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Đặc điểm của thông tin số**  - Thông tin số rất đa dạng.  - Có công cụ tìm kiếm, xử lí, chuyển đổi, truyền hiệu quả, nhanh chóng.  - Có tính bản quyền.  - Có thể dễ dàng sao chép, khó thu hồi triệt để.  - Có độ tin cậy khác nhau.  - Được thu thập, lưu trữ, chia sẻ nhanh và nhiều.  ***Hoạt động Làm:***  1. Giải thích đặc điểm của thông tin trên Internet:  a) Nguồn thông tin khổng lồ, đa dạng, phong phú vì: thông tin số có nhiều loại như văn bản, âm thanh, hình ảnh, video... được lưu trữ với dung lượng khổng lồ bởi nhiều tổ chức, cá nhân.  b) Thường xuyên được cập nhật vì: nếu không cập nhật nội dung thường xuyên sẽ thiếu một lượng thông tin cần thiết và ảnh hưởng đến hiệu quả thông tin.  c) Trao đổi dễ dàng, lan truyền nhanh chóng, khó thu hồi triệt để vì: thông tin trên Internet được sao lưu bởi tính năng đồng bộ dữ liệu giữa các thiết bị, dịch vụ → thông tin đưa lên mạng khó thu hồi triệt để.  d) Có thể tìm kiếm dễ dàng, nhanh chóng nhờ máy tìm kiếm.  e) Có nguồn thông tin đáng tin cậy nhưng cũng có nguồn thông tin không thực sự đáng tin cậy vì: thông tin chân thực ban đầu có thể bị làm sai lệch rồi tiếp tục phát tán.  2. Đáp án b).  - *Kết luận*: Đặc điểm của thông tin số: đa dạng, được thu thập ngày càng nhanh và nhiều; được lưu trữ với dung lượng khổng lồ bởi nhiều tổ chức và cá nhân; có tính bản quyền; có độ tin cậy rất khác nhau; có các công cụ tìm kiếm, chuyển đổi, truyền và xử lí hiệu quả. |

**Hoạt động 2: Khai thác nguồn thông tin tin cậy**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được tầm quan trọng của việc biết khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy, nêu được ví dụ minh họa.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS đọc thông tin SGK mục 2 – SGK tr.11, 12 và trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**

- HS nêu được 5 yếu tố cơ bản giúp nhận biết về độ tin cậy của thông tin trên Internet. Nêu được cách nhận biết độ tin cậy của thông tin số qua mỗi yếu tố.

- Nêu được mối liên quan giữa thông tin và quyết định, suy nghĩ, hành vi của con người, từ đó khẳng định tầm quan trọng của việc biết khai thác nguồn thông tin đáng tin cậy.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 SGK, thảo luận nhóm đôi và trả lời các câu hỏi:  *+ Có thể nhận biết độ tin cậy của thông tin qua những yếu tố nào?*  *+ Hãy nêu cách nhận biết về độ tin cậy của thông tin qua: tác giả, tính cập nhật, trích dẫn, mục đích của bài viết, nguồn thông tin.*  *+ Tại sao việc khai thác nguồn thông tin tin cậy là quan trọng? Nêu ví dụ minh họa.*  - GV tiếp tục yêu cầu HS làm việc cặp đôi, hoàn thành các bài tập trong mục ***Hoạt động Làm*** SGK tr.12:  *1. Thông tin trong những trường hợp nào sau đây là đáng tin cậy?*  *a) Thông tin trên website có tên miền là .gov.*  *b) Bài viết của một cá nhân đăng tải trên mạng xã hội với mục đích bôi nhọ người khác.*  *c) Bài viết hướng dẫn phòng tránh dịch bệnh trên trang web của cơ quan y tế.*  *d) Bài viết trên tài khoản mạng xã hội của một nhà báo có uy tín và có trích dẫn nguồn thông tin từ trang web của Chính phủ.*  *2. Có ý kiến cho rằng việc biết lựa chọn thông tin đáng tin cậy là rất quan trọng. Em có đồng ý với ý kiến này hay không? Tại sao? Nêu ví dụ minh họa.*  - GV gợi ý HS sử dụng các yếu tố đã tìm hiểu ở ***Hoạt động Đọc và quan sát*** để nhận biết độ tin cậy của thông tin ở từng trường hợp nêu trong SGK.  - GV có thể cho HS xem video clip về tin giả trong bối cảnh dịch COVID - 19 để thấy được tầm quan trọng của việc biết khai thác nguồn thông tin tin cậy:  <https://youtu.be/LcOenmUN4XM>  - GV chốt kiến thức:  *+ Một số yếu tố giúp nhận biết độ tin cậy của thông tin gồm: tác giả, nguồn thông tin, mục đích, tính cập nhật của bài viết, trích dẫn nguồn thông tin trong bài viết.*  *+ Xác định, khai thác nguồn thông tin đáng tin cậy giúp ta có được thông tin đúng, từ đó có quyết định phù hợp.*  - GV cho HS xem thêm video về biện pháp chống tin giả:  <https://youtu.be/-OAnCB_CTR4> (2:42 - 5:49)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin SGK mục 2 - SGK tr. 11, 12 và trả lời câu hỏi.  - HS thảo luận nhóm đôi và hoàn thành bài tập trong mục ***Hoạt động Làm***.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày về:  *+ Một số yếu tố cơ bản giúp nhận biết về độ tin cậy của thông tin trên Internet.*  *+ Tầm quan trọng của việc biết khai thác nguồn thông tin đáng tin cậy.*  - GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét và kết luận.  - GV chuyển sang hoạt động mới. | **2. Khai thác nguồn thông tin tin cậy**  - Một số yếu tố cơ bản giúp nhận biết về độ tin cậy của thông tin trên Internet:  + Tác giả: Người cung cấp thông tin, tác giả càng có uy tín, trách nhiệm, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn sâu về lĩnh vực của bài viết thì độ tin cậy của thông tin càng cao.  + Tính cập nhật: Bài viết có nội dung được cập nhật thông tin, sự kiện, kết quả mới, đính chính thông tin đã đăng tải thường có độ tin cậy cao hơn.  + Mục đích của bài viết: Những bài viết không có mục đích quảng cáo, không có tính định kiến, không nhằm mục đích xâm phạm, bôi nhọ tổ chức, cá nhân thường có độ tin cậy cao hơn.  + Trích dẫn: Bài viết có trích dẫn nguồn thông tin sử dụng trong bài, cung cấp dẫn chứng để xác minh sẽ có độ tin cậy cao hơn.  + Nguồn thông tin: Nguồn thông tin từ cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, được kiểm duyệt trước khi đăng tải sẽ có độ tin cậy cao hơn.  - Tầm quan trọng của việc biết khai thác nguồn thông tin đáng tin cậy:  + Con người ra quyết định trên cơ sở thông tin thu nhận được. Thông tin chân thực giúp con người suy nghĩ, hành động đúng.  + Việc xác định được độ tin cậy giúp ta lựa chọn được thông tin đúng, tránh sử dụng những thông tin sai lệch, từ đó có thể đưa ra được quyết định phù hợp.  + Ví dụ: Có được thông tin dự báo thời tiết tin cậy về một cơn bão sẽ giúp người dân có biện pháp phòng chống tốt hơn, hạn chế thiệt hại do cơn bão gây ra.  ***Hoạt động Làm:***  1. Đáp án a, c, d.  2.  - Đồng ý với ý kiến vì thông tin có vai trò quan trọng đối với quyết định, hành vi của con người. Thông tin sai lệch sẽ dẫn đến suy nghĩ, hành vi sai trái.  - Ví dụ: Thông tin sai lệch liên quan đến tình hình dịch bệnh COVID - 19 khiến người dân hoang mang, ra sức tích trữ lương thực, thực phẩm; tạo ra tình trạng khan hiếm hàng hóa cục bộ, gây ảnh hướng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng hàng hóa ở nhiều địa phương.  Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com  https://www.vnteach.com  Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com  https://www.facebook.com/groups/vnteach/  https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/ |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức đã học về thông tin trong môi trường số.

**b. Nội dung:** GV nêu nhiệm vụ, HS trả lời để luyện tập các kiến thức đã học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:**

***Nhiệm vụ 1: Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: *Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng*

***Câu 1.*** *Thông tin kĩ thuật số là*

*A. Nguồn thông tin số khổng lồ, phổ dụng nhất hiện nay.*

*B. Thông tin được thông qua các thiết bị, phương tiện công nghệ kĩ thuật số.*

*C. Thông tin được thu thập, lưu trữ, xử lí, truyền, trao đổi.*

*D. Thông tin được thu thập, lưu trữ, xử lí, truyền, trao đổi thông qua các thiết bị, phương tiện công nghệ kĩ thuật số.*

***Câu 2.*** *Đặc điểm nào sau đây* ***không*** *thuộc về thông tin số?*

*A. Phong phú, đa dạng.*

*B. Khó sao chép, lưu trữ.*

*C. Có công cụ hỗ trợ tìm kiếm, xử lí, chuyển đổi hiệu quả.*

*D. Có tính bản quyền.*

***Câu 3.*** *Tìm đáp án* ***sai****. Thông tin đáng tin cậy giúp em điều gì?*

*A. Đưa ra kết luận đúng.*

*B. Quyết định hành động đúng.*

*C. Giải quyết được các vấn đề được đặt ra.*

*D. Dẫn đến những suy nghĩ, hành động không phù hợp.*

***Câu 4.*** *Em hãy chọn phương án ghép đúng:*

*Thông tin số được nhiều tổ chức và cá nhân lưu trữ với dung lượng rất lớn,*

*A. được truy cập tự do và có độ tin cậy khác nhau.*

*B. được bảo hộ quyền tác giả và không đáng tin cậy.*

*C. được bảo hộ quyền tác giả và có độ tin cậy khác nhau.*

*D. được bảo hộ quyền tác giả và rất đáng tin cậy.*

***Câu 5.*** *Vì sao nói thời điểm công bố thông tin quan trọng?*

*A. Vì nó đánh dấu một sự kiện xảy ra.*

*B. Vì nó cho biết thông tin đó có tin cậy hay không.*

*C. Vì nó quyết định thông tin có còn ý nghĩa không hay đã trở nên lỗi thời.*

*D. Vì thông tin càng mới càng dễ tìm kiếm.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

**Câu 1.** *Đáp án D.*

**Câu 2.** *Đáp án B.*

**Câu 3.** *Đáp án D.*

**Câu 4.** *Đáp án C.*

**Câu 5.** *Đáp án C.*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

***Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi phần Luyện tập SGK tr.13***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu:

***Bài tập 1.*** *Em hãy nêu các đặc điểm của thông tin số.*

***Bài tập 2.*** *Em hãy nêu tầm quan trọng của việc biết khai thác nguồn thông tin đáng tin cậy, nêu ví dụ minh họa.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc cá nhân, dựa vào kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày trước lớp:

***Bài tập 1.*** *Các đặc điểm của thông tin số:*

*- Thông tin số rất đa dạng.*

*- Có công cụ tìm kiếm, xử lí, chuyển đổi, truyền hiệu quả, nhanh chóng.*

*- Có tính bản quyền.*

*- Có thể dễ dàng sao chép, khó thu hồi triệt để.*

*- Có độ tin cậy khác nhau.*

*- Được thu thập, lưu trữ, chia sẻ nhanh và nhiều.*

***Bài tập 2.***

*- Việc xác định được độ tin cậy giúp ta lựa chọn được thông tin đúng, tránh sử dụng những thông tin sai lệch, từ đó có thể đưa ra được quyết định phù hợp.*

*- Ví dụ: Có được thông tin dự báo thời tiết tin cậy về một cơn bão sẽ giúp người dân có biện pháp phòng chống tốt hơn, hạn chế thiệt hại do cơn bão gây ra.*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**

**a. Mục tiêu:**

- HS đánh giá được độ tin cậy của thông tin qua các yếu tố nhận biết độ tin cậy.

- Nhận thức được tầm quan trọng của việc biết khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy thông qua ví dụ cụ thể. Nêu được ví dụ minh họa.

- Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lí và trao đổi thông tin trong môi trường số. Nêu được ví dụ minh họa.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS thực hiện các nhiệm vụ trong phần Thực hành.

**c. Sản phẩm học tập:** Các nhóm HS hoàn thành nhiệm vụ thực hành.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm để hoàn thành bài thực hành dưới sự hỗ trợ, hướng dẫn của GV:

***Bài tập 1.***

- Nhóm HS tìm kiếm trên Internet để lựa chọn một dịch bệnh có nhiều cách phòng chống được chia sẻ trên Internet. Có thể sử dụng từ khóa tìm kiếm như: một số dịch bệnh phổ biến hiện nay; một số biện pháp phòng chống dịch bệnh,... GV khuyến khích HS lựa chọn tìm hiểu dịch bệnh đang diễn ra (nếu có).

- Nhóm HS thực hiện tìm kiếm thông tin (trên Internet và trên mạng xã hội, diễn đàn...) về cách phòng chống dịch bệnh đã lựa chọn; sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản lập bảng tổng hợp với các nội dung chính như yêu cầu trong SGK.

- Để dễ dàng hơn cho HS trong việc đánh giá độ tin cậy, GV gợi ý HS tìm kiếm và lấy một số bài viết phòng chống dịch bệnh có dấu hiệu rõ ràng để nhận biết độ tin cậy. Ví dụ, bài viết của bác sĩ chuyên ngành trên website của cơ quan y tế, bài viết chia sẻ kinh nghiệm cá nhân chưa được kiểm duyệt trên mạng xã hội.

- Các nhóm trao đổi sản phẩm (qua thư điện tử, Zalo, Messenger...) và góp ý, nhận xét cho nhau.

***Bài tập 2.***

- Nhóm HS tìm kiếm thông tin trên Internet về tình huống thông tin giả, sai sự thật trên Internet. GV có thể gợi ý HS sử dụng các từ khóa như: chữa bệnh qua mạng xã hội gây hậu quả, thông tin giả, lừa đảo, giả mạo ngân hàng, lừa đảo qua mạng,...

- Tạo bài trình chiếu về một số tình huống thông tin giả, sai sự thật với nội dung như yêu cầu trong SGK.

- Nhóm HS trình bày, lấy ý kiến của nhau (hoặc trình bày, lấy ý kiến trước lớp), thảo luận để chỉ ra những yếu tố, chi tiết có thể giúp nhận biết thông tin giả sai sự thật và những hậu quả, hạn chế có thể tránh được.

***Bài tập 3.***

- HS nêu được các công cụ đã sử dụng để tìm kiếm thông tin số như máy tìm kiếm thông tin trên Internet. công cụ tìm kiếm thông tin của mạng xã hội, các phần mềm đã sử dụng để tổng hợp, trình bày thông tin như phần mềm soạn thảo, phần mềm trình chiếu.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Các nhóm thảo luận, hoàn thành bài thực hành.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Các nhóm trình bày kết quả sản phẩm.

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ đánh giá.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, tuyên dương ý thức thực hành của các nhóm.

**E. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số tình huống thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS trao đổi nhóm đôi, phát biểu thảo luận trước lớp.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS trong phần Vận dụng SGK tr.13.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và thực hiện các bài tập sau:

***Bài tập 1.*** *Theo em, tại sao ngày nay nhiều người có thói quen đọc báo trên Internet để cập nhật tin tức?*

***Bài tập 2:*** *Theo em, nên hay không nên tự chữa bệnh theo các hướng dẫn được chia sẻ trên Internet? Tại sao? Cho ví dụ minh họa.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận nhóm và vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

***Bài tập 1:*** *Gợi ý:*

*Vì Internet và các trang mạng xã hội đem lại rất nhiều tiện ích cho người sử dụng như tốc độ thông tin nhanh, nội dung phong phú, đa dạng…*

***Bài tập 2:*** *Gợi ý:*

*- Theo em, không nên tự chữa bệnh theo các hướng dẫn được chia sẻ trên Internet. Tại vì:*

*+ Thông tin trên Internet có độ tin cậy khác nhau, có thể hướng dẫn chữa bệnh là thông tin chưa được kiểm nghiệm và là tin giả. Việc làm theo các hướng dẫn này sẽ gây ra những hậu quả không mong muốn.*

*+ Việc khám chữa bệnh phải thực hiện theo hướng dẫn của bác sĩ, nhân viên y tế.*

*- Ví dụ minh hoạ: Trong thời buổi dịch bệnh, các phương pháp được đồn thổi rằng có thể ngăn ngừa hoặc chữa Covid-19 như tắm nắng hay bơi ngoài biển 10 phút một ngày; uống nước 15 phút một lần, luôn giữ cho họng ướt, nuốt vi rút xuống dạ dày thì axit dạ dày sẽ diệt vi rút; ăn hành, tỏi sống; uống vitamin C liều cao; rửa mũi bằng nước muối; bôi dầu vừng; tiêm vacxin phòng viêm phổi … đều đã bị Tổ chức Y tế thế giới (WHO) hoặc cơ quan y tế của chính phủ các nước bác bỏ.*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**F. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

* Ôn lại kiến thức đã học.
* Làm bài tập trong Sách bài tập Tin học 8.
* Đọc và tìm hiểu trước ***Bài 3: Thông tin với giải quyết vấn đề.***

Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

## BÀI 3: THÔNG TIN VỚI GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ (1 Tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Chủ động tìm kiếm được thông tin để thực hiện nhiệm vụ cụ thể.
* Đánh giá được lợi ích của thông tin tìm được trong giải quyết vấn đề, nêu được ví dụ minh họa.
* Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lí và trao đổi thông tin trong môi trường số, nêu được ví dụ minh họa.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giao tiếp và hợp tác:* có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học.

***Năng lực riêng:***

* Phát triển năng lực tự học thông qua việc tìm tòi, nghiên cứu và khai thác thông tin.
* Giải quyết được vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.
* Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học.

**3. Phẩm chất**

* Rèn luyện tinh thần trách nhiệm trong sử dụng thông tin và phẩm chất trung thực trong trích dẫn thông tin.
* Rèn luyện đức tính chăm chỉ, sáng tạo không ngừng nâng cao hiệu suất lao động.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Tin học 8.
* Máy tính, máy chiếu.
* Phòng thực hành tin học.

**2. Đối với học sinh**

* SGK, SBT Tin học 8.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Dẫn dắt, gợi mở kiến thức cho HS trước khi vào bài học.

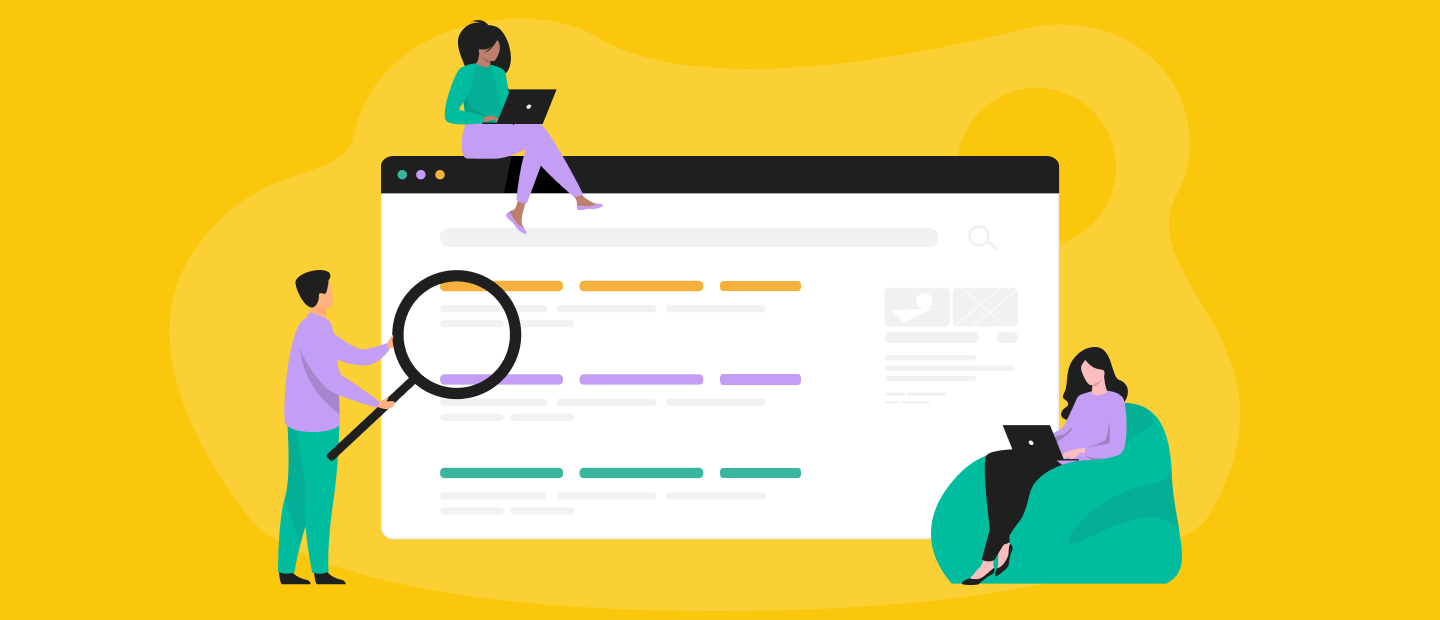
**b. Nội dung:** GV đặt vấn đề cần giải quyết cho HS.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi: *Em hãy kể tên một số công cụ tìm kiếm (máy tìm kiếm) mà em biết.*



**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học, kiến thức của bản thân để trả lời yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS có thể nêu tên một số máy tìm kiếm:

*  *

*Google Bing Ask.com*

- GV mời HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ thực hành giải quyết vấn đề với thông tin trong môi trường số –* ***Bài 3: Thông tin với giải quyết vấn đề.***

**B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**

**a. Mục tiêu:**

- Chủ động tìm kiếm được thông tin để thực hiện nhiệm vụ cụ thể.

- Đánh giá được lợi ích của thông tin tìm được trong giải quyết vấn đề, nêu được ví dụ minh họa.

- Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lí và trao đổi thông tin trong môi trường số, nêu được ví dụ minh họa.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để thực hiện lần lượt các yêu cầu trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hành của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức để HS làm việc theo nhóm, thực hiện lần lượt các yêu cầu trong SGK, cho các nhóm trình bày, kiểm tra chéo sản phẩm thực hành của nhau.  - GV có thể gợi ý cho các nhóm HS thực hiện tìm kiếm vấn đề đang được quan tâm, tranh luận trên Internet bằng những từ khóa như: bàn thắng gây tranh cãi, tình huống thể thao gây tranh cãi, tình huống giao thông gây tranh cãi, vấn đề giáo dục đang được tranh luận, vấn đề văn hóa đang được tranh luận,...  - Sau đó, GV định hướng để 2, 3 nhóm HS lựa chọn cùng một vấn đề và tiến hành thực hiện các yêu cầu:  + Mục b: Tìm kiếm, tổng hợp thông tin.  + Mục c: Đánh giá lợi ích của thông tin.  + Mục d: Các nhóm đã lựa chọn cùng vấn đề tiến hành trình bày, trao đổi với nhau (khi đó các nhóm sẽ có nhiều nội dung, ý kiến để trao đổi, thảo luận, góp ý cho nhau).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lựa chọn vấn đề, thực hiện tìm kiếm, tổng hợp thông tin, ý kiến về vấn đề đã chọn theo mẫu như Bảng 1 SGK tr. 14.  - HS đánh giá độ tin cậy của mỗi thông tin, ý kiến theo Bảng 1 SGK dựa trên các yếu tố như tác giả, địa chỉ trang web, mục đích, các trích dẫn, tính cập nhật và kinh nghiệm, hiểu biết, suy luận của HS, đánh giá được lợi ích của mỗi thông tin, ý kiến dựa trên mức độ phù hợp hay liên quan của thông tin với vấn đề, câu hỏi đặt ra.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày, bảo vệ được nhận xét, đánh giá của mình về độ tin cậy, lợi ích của thông tin, ý kiến trong sản phẩm của nhóm*.*  - GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV tuyên dương các nhóm.  - GV chuyển sang nội dung luyện tập. | **Thực hành**  a) Lựa chọn một vấn đề được quan tâm, tranh luận trên Internet.  b) Tìm kiếm thông tin về vấn đề được chọn, tổng hợp thông tin trong bảng 1.  ***Bảng 1. Bảng tổng hợp thông tin***   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | Nội dung chính | Địa chỉ trang web | Đơn vị, tác giả | Mục đích của bài viết | Thời gian | | 1 | ? | ? | ? | ? | ? | | 2 | ? | ? | ? | ? | ? | | ... | ? | ? | ? | ? | ? |   c) Đánh giá được độ tin cậy, lợi ích của thông tin tìm kiếm được.  d) Bài trình chiếu của HS gồm các nội dung:  - Vấn đề tranh luận.  - Tóm tắt một số thông tin, ý kiến khác nhau và độ tin cậy của những thông tin, ý kiến đó.  - Những thông tin, ý kiến mang lại lợi ích, không mang lại lợi ích trong giải quyết, làm rõ vấn đề. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức về cách khai thác thông tin trong môi trường số.

**b. Nội dung:** GV cho HS tham gia trò chơi trắc nghiệm, hoàn thành các bài tập phần Luyện tập SGK tr.15.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:**

***Nhiệm vụ 1: Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: *Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng*

***Câu 1.*** *Để tìm hiểu về cách sử dụng một chiếc máy ảnh mới, nguồn thông tin nào sau đây cần được tham khảo nhất?*

*A. Hướng dẫn của một người đã từng chụp ảnh.*

*B. Hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.*

*C. Hướng dẫn của một người giỏi Tin học.*

*D. Câu trả lời trên một số diễn đàn về chụp ảnh.*

***Câu 2.*** *Để tìm hiểu về một đội bóng đá ở châu Phi, nguồn thông tin nào sau đây đáng tin cậy nhất?*

*A. Nguồn tin từ câu lạc bộ người hâm mộ đội bóng đó.*

*B. Nguồn tin từ câu lạc bộ của đội bóng đối thủ.*

*C. Nguồn tin từ Liên đoàn bóng đá châu Phi.*

*D. Nguồn tin từ diễn đàn bóng đá Việt Nam.*

***Câu 3.*** *Học sinh ở cuối năm học lớp 9 thường cần tìm hiểu thông tin tuyển sinh vào lớp 10. Nguồn thông tin nào sau đây đáng tin cậy nhất?*

*A. Internet.*

*B. Thông báo chính thức của Sở Giáo dục và Đào tạo địa phương.*

*C. Thông tin từ giáo viên.*

*D. Kinh nghiệm của học sinh khóa trước.*

***Câu 4.*** *Theo em, trong hoạt động thường xuyên hằng ngày, các tổ chức (cơ quan, doanh nghiệp) sử dụng thông tin từ nguồn nào sau đây?*

*A. Từ kết quả tìm kiếm trên Internet.*

*B. Từ một cá nhân nào đó trên mạng.*

*C. Từ cá nhân có tiếng tăm trên mạng.*

*D. Từ dữ liệu được thu thập và quản trị bởi các tổ chức đó.*

***Câu 5.*** *Lựa chọn phương án* ***sai****.*

*Để đánh giá độ tin cậy của thông tin tìm được trong giải quyết vấn đề đặt ra, ta cần căn cứ vào:*

*A. Số lượt chia sẻ, bình luận, thích (like) bài viết.*

*B. Mục đích, tính cập nhật của bài viết.*

*C. Trích dẫn nguồn thông tin trong bài viết.*

*D. Tác giả, nguồn thông tin.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

**Câu 1.** *Đáp án B.*

**Câu 2.** *Đáp án C.*

**Câu 3.** *Đáp án B.*

**Câu 4.** *Đáp án D.*

**Câu 5.** *Đáp án A.*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

***Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi phần Luyện tập SGK tr.15***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu:

***Bài tập 2.*** *Có ý kiến cho rằng chỉ cần tìm được thông tin giúp trả lời được câu hỏi đặt ra, không cần quan tâm đến độ tin cậy của thông tin. Em có đồng ý với ý kiến này không? Tại sao?*

***Bài tập 3.*** *Hãy nêu ví dụ thông tin tìm được giúp em giải quyết vấn đề hay trả lời câu hỏi đặt ra.*

***Bài tập 4.*** *Trong quá trình thực hành, em đã sử dụng công cụ, phần mềm nào để tìm kiếm, xử lí và trao đổi thông tin?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc cá nhân, dựa vào kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày trước lớp:

***Bài tập 2.*** *Không đồng ý với ý kiến nêu ra trong SGK vì thông tin không những giúp trả lời câu hỏi đặt ra mà còn phải đảm bảo độ tin cậy thì mới mang lại lợi ích, có giá trị sử dụng.*

***Bài tập 3.*** *GV gợi ý HS có thể lấy ví dụ minh họa là những thông tin mang lại lợi ích đã tìm được ở phần* ***Thực hành*** *hoặc những ví dụ thực tiễn mà HS đã trải nghiệm.*

***Bài tập 4.*** *Gợi ý:*

*Các công cụ đã sử dụng để tìm kiếm, xử lí, trao đổi thông tin như máy tìm kiếm thông tin trên Internet, phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình chiếu, dịch vụ thư điện tử, mạng xã hội.*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS trao đổi nhóm đôi, phát biểu thảo luận trước lớp.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS trong phần Vận dụng SGK tr.15.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và thực hiện bài tập sau:

*Hãy trao đổi với các bạn trong lớp để tìm hiểu về những chủ đề mà các bạn quan tâm (ví dụ như phương pháp tự học tiếng Anh, chức năng tìm kiếm nâng cao của máy tìm kiếm, phòng chống đuối nước, tác hại của nghiện Internet và cách phòng chống, ...). Phân công mỗi nhóm thực hành tìm kiếm thông tin và trình bày về một chủ đề theo các yêu cầu sau:*

*a) Thực hiện tìm kiếm, tổng hợp và tạo bài trình chiếu về chủ đề được phân công. Bài trình chiếu cần có các nội dung chính sau:*

*- Tên chủ đề.*

*- Tóm tắt thông tin đã tìm được và độ tin cậy của những thông tin đó (kèm theo căn cứ được sử dụng để đánh giá độ tin cậy).*

*- Những thông tin tìm được phù hợp với chủ đề.*

*b) Trình bày, trao đổi với các bạn trong lớp và cho biết bài trình bày của em có mang lại lợi ích cho các bạn hay không. Tại sao?*

- GV hướng dẫn, gợi ý:

+ GV tổ chức để các nhóm HS phát biểu, đề xuất về một số chủ đề HS quan tâm, muốn tìm hiểu, ghi lại tên nhóm và chủ đề mà nhóm quan tâm, tìm hiểu.

+ GV tổ chức để mỗi nhóm HS thực hành tìm kiếm, tổng hợp, tạo bài trình chiếu (như yêu cầu tại mục a) về chủ đề do nhóm khác đề xuất.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận nhóm và vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Các nhóm trình bày, trao đổi sản phẩm thực hành với nhóm đã đề xuất chủ đề.

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**E. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

* Ôn lại kiến thức đã học.
* Làm bài tập trong Sách bài tập Tin học 8.
* Đọc và tìm hiểu trước ***Bài 4: Sử dụng công nghệ kĩ thuật số.***

Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

## BÀI 4: SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ KĨ THUẬT SỐ (1 Tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Nhận biết và giải thích được một số biểu hiện vi phạm đạo đức, pháp luật, thiếu văn hoá khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số.
* Bảo đảm được các sản phẩm số do bản thân tạo ra thể hiện được đạo đức, tính văn hoá và không vi phạm pháp luật.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giao tiếp và hợp tác:* có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động tin học.

***Năng lực riêng:***

* Phát triển năng lực tự học thông qua việc tìm tòi, nghiên cứu và khai thác thông tin.
* Giải quyết được vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.
* Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học.

**3. Phẩm chất**

* Rèn luyện tinh thần trách nhiệm trong sử dụng thông tin và phẩm chất trung thực trong trích dẫn thông tin.
* Rèn luyện đức tính chăm chỉ, sáng tạo không ngừng nâng cao hiệu suất lao động.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT Tin học 8.
* Máy tính, máy chiếu.
* Phòng thực hành tin học.

**2. Đối với học sinh**

* SGK, SBT Tin học 8.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Dẫn dắt, gợi mở kiến thức cho HS trước khi vào bài học.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS thảo luận, nêu một số ví dụ về biểu hiện thiếu văn hoá, vi phạm đạo đức, pháp luật khi sử dụng điện thoại thông minh.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt vấn đề về tính hai mặt của việc sử dụng thiết bị số: *sự phổ dụng, tiện ích của thiết bị số (ví dụ như điện thoại thông minh) mang lại lợi ích cho người sử dụng; tuy nhiên việc lạm dụng, sử dụng chúng vào những mục đích sai trái đặt ra những vấn đề về văn hoá, đạo đức và pháp luật.*

- GV chia lớp thành hai nhóm, một nhóm nêu ví dụ cho thấy những lợi ích, nhóm còn lại nêu ví dụ về những vấn đề phát sinh khi sử dụng điện thoại thông minh.

- Trên cơ sở phát biểu, thảo luận của HS, GV dẫn dắt vào vấn đề văn hoá, đạo đức và ý thức tuân thủ pháp luật khi sử dụng thiết bị số.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học, kiến thức của bản thân để trả lời yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS có thể nêu một số lợi ích của việc sử dụng điện thoại:

*+ Liên lạc nhanh chóng và trực quan.*

*+ Thanh toán tiện lợi.*

*+ Học tập và làm việc từ xa hiệu quả*

*+Cập nhật thông tin kịp thời.*

*+ Thư giãn với nhiều lựa chọn giải trí*

*+ Định vị chính xác.*

*+ Lưu giữ những khoảnh khắc đáng nhớ*

*+ …*

- HS có thể nêu một số ví dụ về biểu hiện thiếu văn hoá, vi phạm đạo đức, pháp luật khi sử dụng điện thoại thông minh.

*+ Chia sẻ hình ảnh, thông tin cá nhân của người khác lên mạng khi chưa được cho phép*

*+ Sử dụng điện thoại thông minh để hỏi đáp án trong giờ kiểm tra*

*+ Bạo lực ngôn ngữ trên mạng*

*+ …*

- HS phát biểu, thảo luận sôi nổi, hào hứng tìm hiểu kiến thức mới.

- GV mời HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về một số quy định sử dụng thiết bị số, văn hóa sử dụng công nghệ kĩ thuật số cũng như cách đảm bảo vấn đề bản quyền với sản phẩm số –* ***Bài 4: Sử dụng công nghệ kĩ thuật số***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về một số quy đinh về sử dụng thiết bị số**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và giải thích được một số tình huống vi phạm pháp luật khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để thực hiện lần lượt các yêu cầu trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức để HS làm việc theo nhóm, thực hiện lần lượt các yêu cầu trong SGK,  - GV có thể gợi ý cho các nhóm HS đọc kênh chữ, quan sát kênh hình để tìm hiểu, trình bày tóm tắt bốn lưu ý về sử dụng thiết bị số trong SGK (có thể trình bày bằng sơ đồ tư duy)  - Sau đó, các nhóm HS trao đổi, áp dụng các lưu ý về sử dụng thiết bị số để nhận biết và giải thích mỗi tình huống được nêu trong hoạt động “Làm” SGK – tr17 là vi phạm hoặc không vi phạm pháp luật  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tóm tắt các lưu ý về việc sử dụng thiết bị số  - HS xác định mỗi tình huống ở hoạt động “Làm” SGK – tr17 là vi phạm hoặc không vi phạm pháp luật và giải thích được lí do.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày, bảo vệ được nhận xét, đánh giá của mình về độ tin cậy, lợi ích của thông tin, ý kiến trong sản phẩm của nhóm*.*  - GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV tuyên dương các nhóm.  - GV chuyển sang nội dung luyện tập. | **1. Một số quy định về sử dụng thiết bị số**  - Quy định về sử dụng thiết bị số:  + Tự ý thu âm, chụp ảnh, quay phim và sử dụng nội dung ghi được gây hậu quả cho tổ chức, cá nhân là hành vi vi phạm pháp luật.  + Không sử dụng tai nghe, điện thoại di động khi đang lái xe.  + Học sinh không sử dụng các thiết bị kĩ thuật số trong giờ học khi chưa được phép của giáo viên  ***Hoạt động Làm:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tình huống** | **Vi phạm hoặc không vi phạm pháp luật** | **Lí do** | | a) Phong chụp ảnh Lan đang đùa nghịch với tư thế không đẹp mắt. Phong chia sẻ bức ảnh lên mạng xã hội làm Lan xấu hổ và không dám đến trường. | Vi phạm pháp luật | Tự ý chụp ảnh và sử dụng hình ảnh chụp được làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín cá nhân | | Khách du lịch tự ý quay phim khu vực cửa khẩu có biển cấm quay phim, chụp ảnh | Vi phạm pháp luật | Chụp ảnh nơi liên quan đến bí mật của nhà nước. | | Một bạn học sinh vừa đi xe đạp vừa nghe điện thoại | Vi phạm pháp luật (nếu dùng tay cầm điện thoại để nghe hoặc dùng tai nghe để nghe điện thoại) | Người đi xe đạp không được dùng tai nghe, không được dùng tay sử dụng điện thoại di động khi đang chạy xe. | | Một bạn học sinh tự ý sử dụng điện thoại thông minh để làm bài tập trên lớp | Vi phạm pháp luật | HS không được sử dụng điện thoại thông minh khi đang học tập trên lớp mà chưa được giáo viên cho phép | |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu văn hóa sử dụng công nghệ kĩ thuật số**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết và giải thích được một số biểu hiện vi phạm đạo đức, thiếu văn hoá khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số

**b. Nội dung:** HS đọc thông tin mục 2 - SGK.17 và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 6 nhóm HS, các nhóm đọc kênh chữ, quan sát kênh hình để tìm hiểu, tóm tắt một số biểu hiện, ví dụ minh hoạ về vi phạm đạo đức, thiếu văn hoá khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số dưới dạng sơ đồ tư duy  - GV cho các nhóm HS trao đổi, áp dụng biểu hiện của hành vi vi phạm đạo đức, thiếu văn hoá để xác định mỗi việc được nêu trong trong mục ***Hoạt động Làm*** SGK tr.18 là nên làm hoặc không nên làm  *Theo em những việc nào dưới đây là nên làm hoặc không nên làm khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số.*  *a) Liên tục sử dụng điện thoại khi đang gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với người khác.*  *b) Nói chuyện qua điện thoại trong phòng đọc của thư viện, rạp chiếu phim.*  *c) Lén thu âm cuộc trao đổi trực tiếp hoặc qua điện thoại.*  *d) Chuyển sang chế độ im lặng hoặc tắt điện thoại khi đang ở trong lớp học, buổi họp, ...*  *e) Tự ý chụp ảnh, quay phim người khác khi chưa được sự đồng ý của người đó.*  *g) Trong lớp học trực tuyến, một số học sinh tạo nhóm Zalo để trao đổi đáp án khi làm bài kiểm tra.*  - GV tổ chức để HS tự tóm tắt, chốt kiến thức như nội dung tại mục ***Ghi nhớ***.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin SGK tr.18, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi. trong mục ***Hoạt động Làm*** SGK tr.18.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày về: *Văn hóa sử dụng công nghệ kĩ thuật số*  - GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **2. Văn hóa sử dụng công nghệ kĩ thuật số**  - Sử dụng công nghệ kĩ thuật số để thực hiện những việc gian dối, gây hiểu lầm, làm khó chịu, làm phiền người khác là biểu hiện thiếu văn hóa, vi phạm đạo đức  ***Hoạt động Làm:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Việc** | **Nên/ Không nên làm** | **Lí do** | | a) Liên tục sử dụng điện thoại khi đang gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với người khác. | Không nên làm | Thiếu tôn trọng, gây khó chịu cho người khác | | b) Nói chuyện qua điện thoại trong phòng đọc của thư viện, rạp chiếu phim. | Không nên làm | Gây khó chịu, làm phiền người khác | | c) Lén thu âm cuộc trao đổi trực tiếp hoặc qua điện thoại. | Không nên làm | Thiếu trung thực, gian dối | | d) Chuyển sang chế độ im lặng hoặc tắt điện thoại khi đang ở trong lớp học, buổi họp, ... | Nên làm | Lịch sự, tôn trọng người khác, tránh gây khó chịu cho người khác | | e) Tự ý chụp ảnh, quay phim người khác khi chưa được sự đồng ý của người đó. | Không nên làm | Không tôn trọng, gây khó chịu, làm phiền người khác | | g) Trong lớp học trực tuyến, một số học sinh tạo nhóm Zalo để trao đổi đáp án khi làm bài kiểm tra | Không nên làm | Gian dối, không trung thực | |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu về việc đảm bảo vấn đề bản quyền đối với sản phẩm số**

**a. Mục tiêu:** Bảo đảm được các sản phẩm số do bản thân tạo ra thể hiện được đạo đức, tính văn hoá và không vi phạm pháp luật

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS đọc thông tin SGK mục 3 – SGK tr.18, 19 và trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi đọc kênh chữ, quan sát kênh hình để tìm hiểu, trình bày về quyền của tác giả đối với tác phẩm  - GV yêu cầu HS nêu một số hành vi vi phạm bản quyền  - GV nhấn mạnh với HS: *cần bảo an toàn trước khi đăng tải, chia sẻ trên mạng sản phẩm số do mình tạo ra*  - GV chiếu hình 7 về lưu ý những việc cần kiểm tra trước khi chia sẻ để đảm bảo sản phẩm số thể hiện được đạo đức, văn hoá, không vi phạm pháp luật  *a) Có sử dụng âm thanh, hình ảnh, video được ghi trái quy định của pháp luật hay không?*  *b) Có làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của tổ chức, cá nhân hay không?*  *c) Có sử dụng sản phẩm của người khác mà chưa được người đó cho phép hay không?*  *d) Thông tin có đảm bảo chính xác hay không?*  *e) Có phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống tốt đẹp, lành mạnh của dân tộc Việt Nam hay không?*  *g) Có làm phiền, gây khó chịu, hiểu lầm, mâu thuẫn hay không?*  - GV tiếp tục yêu cầu HS làm việc cặp đôi, hoàn thành các bài tập trong mục ***Hoạt động Làm*** SGK tr.19  *Hãy chỉ ra những hành vi vi phạm bản quyền trong các tình huống dưới đây.*  *a) Bình lấy sơ đồ tóm tắt bài học trên mạng, tự ghi tên mình là tác giả trên sơ đồ đó rồi gửi cho các bạn trong lớp tham khảo.*  *b) Sau khi mua được cuốn sách Tin học mới xuất bản, Lan dùng điện thoại thông minh chụp ảnh các trang sách và gửi cho các bạn khác đọc.*  *c) Hùng mua thẻ nhớ USB chứa các bài hát được người bán đã sưu tầm từ Internet mà không có thoả thuận gì với tác giả hay ca sĩ biểu diễn.*  *d) Phong mua vé vào rạp chiếu phim để xem phim. Phong dùng điện thoại di động để phát trực tiếp (livestream) bộ phim cho bạn bè người thân xem cùng*  - GV chốt kiến thức:  *+ Vi phạm quyền của tác giả đối với tác phẩm là vi phạm bản quyền.*  *+ Phải kiểm tra để đảm bảo sản phẩm số do em tạo ra không vi phạm pháp luật và phù hợp với truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin SGK mục 3 - SGK tr. 18, 19 và trả lời câu hỏi.  - HS thảo luận nhóm đôi và hoàn thành bài tập trong mục ***Hoạt động Làm***.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày về:  *+Một số quyền của tác giả đối với tác phẩm được pháp luật quy định;*  *- Một số hành vi vi phạm bản quyền như sao chép, chỉnh sửa, chia sẻ sản phẩm số (Hình 6 trong SGK);*  *- Các vấn đề cần kiểm tra trước khi chia sẻ bài viết để đảm bảo sản phẩm số thể hiện được đạo đức, văn hoá, không vi phạm pháp luật (Hình 7 trong SGK)..*  - GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét và kết luận.  - GV chuyển sang hoạt động mới. | **3. Đảm bảo vấn đề bản quyền đối với sản phẩm số**  + Vi phạm quyền của tác giả đối với tác phẩm là vi phạm bản quyền.  + Phải kiểm tra để đảm bảo sản phẩm số do em tạo ra không vi phạm pháp luật và phù hợp với truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.  ***Hoạt động Làm:***   |  |  | | --- | --- | | **Tình huống** | **Hành vi vi phạm bản quyền** | | a) Bình lấy sơ đồ tóm tắt bài học trên mạng, tự ghi tên mình là tác giả trên sơ đồ đó rồi gửi cho các bạn trong lớp tham khảo. | - Tự ghi tên mình là tác giả trên sơ đồ đó (vi phạm quyền đứng tên trên tác phẩm của tác giả).  - Gửi cho các bạn trong lớp tham khảo (vi phạm quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng của tác giả). | | b) Sau khi mua được cuốn sách Tin học mới xuất bản, Lan dùng điện thoại thông minh chụp ảnh các trang sách và gửi cho các bạn khác đọc. | Chụp ảnh các trang sách và gửi cho các bạn khác đọc (vi phạm quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng của tác giả và gây thiệt hại cho chủ sở hữu) | | c) Hùng mua thẻ nhớ USB chứa các bài hát được người bán đã sưu tầm từ Internet mà không có thoả thuận gì với tác giả hay ca sĩ biểu diễn | Sao chép tác phẩm vào USB mà chưa được phép của tác giả, ca sĩ biểu diễn (vi phạm quyền sao chép tác phẩm của tác giả). | | d) Phong mua vé vào rạp chiếu phim để xem phim. Phong dùng điện thoại di động để phát trực tiếp (livestream) bộ phim cho bạn bè người thân xem cùng | Phát trực tiếp (livestream) bộ phim đang chiếu trong rạp chiếu phim cho bạn bè, người thân xem cùng (vi phạm quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng, gây thiệt hại cho chủ sở hữu). | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức về sử dụng công nghệ kĩ thuật số

**b. Nội dung:** GV cho HS tham gia trò chơi trắc nghiệm, hoàn thành các bài tập phần Luyện tập SGK tr.19.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:**

***Nhiệm vụ 1: Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu: *Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng*

***Câu 1.*** *Trong các hành vi sau đây, những hành vi nào vi phạm pháp luật?*

*A. Ghi âm cuộc tranh cãi của một nhóm bạn và đưa lên mạng xã hội*

*B. Nhìn trộm bạn đang nhập mật khẩu tài khoản mạng xã hội (hay thư điện tử) để biết mật khẩu đăng nhập của bạn*

*C. Lén quay phim, chụp ảnh ở nơi có biển cấm quay phim, chụp ảnh.*

*D. Trêu đùa bằng cách lấy một ảnh của bạn, cắt ghép với những ảnh khác để gây cười rồi gửi cho một số bạn*

***Câu 2.*** *Quyền tác giả là gì?*

*A. Quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.*

*B. Quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm mình không sáng tạo ra hoặc không sở hữu.*

*C. Quyền của tất cả mọi người đối với tác phẩm mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.*

*D. Không có quyền tác giả..*

***Câu 3.*** *Hoạt động nào dưới đây* ***không*** *vi phạm bản quyền?*

*A. Mạo danh tác giả.*

*B. Sửa chữa, chuyển thể phần mềm mà không được phép của tác giả.*

*C. Sử dụng phần mềm lậu.*

*D. Xem phim, nghe nhạc tại các trang web chính thống*

***Câu 4.*** *Mua quyền sử dụng cho một máy tính, sau đó cài đặt cho máy thứ hai là hành vi vi phạm gì?*

*A. Vi phạm đạo đức.*

*B.Vi phạm pháp luật.*

*C. Vi phạm bản quyền.*

*D. Không vi phạm gì.*

***Câu 5.*** *Việc nào dưới đây không bị phê phán?*

*A. Phát tán các hình ảnh đồi trụy lên mạng*

*B. Cố ý làm nhiễm virus vào máy tính của trường*

*C. Sao chép phần mềm không có bản quyền*

*D. Tự thay đổi mật khẩu cho máy tính cá nhân của mình..*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời:

**Câu 1.** *Đáp án C.*

**Câu 2.** *Đáp án A.*

**Câu 3.** *Đáp án D.*

**Câu 4.** *Đáp án C.*

**Câu 5.** *Đáp án D.*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

***Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi phần Luyện tập SGK tr.19***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu:

***Bài tập 1.*** *Trong các ý kiến dưới đây, em đồng ý, không đồng ý hay đồng ý một phần với các ý kiến nào? Tại sao?*

*a) Ở những nơi không có biển báo cấm, chúng ta có thể thu âm, chụp ảnh, quay phim và tuỳ ý sử dụng âm thanh, hình ảnh ghi được.*

*b) Chúng ta có thể sử dụng điện thoại di động khi đang lái xe miễn là không gây tai nạn giao thông.*

*c) Sau khi đã mua CD ca nhạc, chúng ta có thể sao chép, chia sẻ lên mạng xã hội cho bạn bè.*

*d) Học sinh có thể thu âm lời giảng của thầy cô giáo trên lớp để nghe lại những phần chưa hiểu rõ.*

*e) Cần thực hiện thu âm lời nói đe doạ, bắt nạt em để cung cấp cho thầy, cô giáo hỗ trợ giải quyết.*

*g) Chúng ta có thể tuỳ ý sử dụng bất kì hình ảnh, âm thanh nào để làm màn hình nền, nhạc chờ, nhạc chuông cho điện thoại của bản thân mình.*

*h) Nên sử dụng tai nghe khi nghe ca nhạc, xem phim, chơi trò chơi điện tử ở nơi có nhiều người.*

*i) Luôn cố gắng trả lời tin nhắn sớm nhất có thể.*

*k) Nên nói xin phép, xin lỗi khi phải dừng trao đổi với bạn để nghe điện thoại*

***Bài tập 2.*** *Em hãy chỉ ra hành vi vi phạm bản quyền, vi phạm đạo đức trong tình huống dưới đây.*

*Vân mua cuốn sách các bài văn hay trong hiệu sách. Vân dùng điện thoại di động chụp một bài văn trong cuốn sách và gửi cho Long. Long sử dụng phần mềm Word để gõ lại, chỉnh sửa, cắt xén bài văn này và nộp cho cô giáo để chấm điểm.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc cá nhân, dựa vào kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày trước lớp:

***Bài tập 1.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý kiến** | **Lí do đồng ý** | **Lí do không đồng ý** |
| a) Ở những nơi không có biển báo cấm, chúng ta có thể thu âm, chụp ảnh, quay phim và tuỳ ý sử dụng âm thanh, hình ảnh ghi được. | Được phép thu âm, chụp ảnh, quay phim ở những nơi pháp luật không cấm và sử dụng âm thanh hình ảnh ghi được mà không làm ảnh hưởng đến tổ chức, cá nhân. | - Không được phép quay phim, chụp ảnh những nơi liên quan đến bí mật nhà nước.  - Không được sử dụng hình ảnh ghi được làm ảnh hưởng đến tổ chức, cá nhân |
| b) Chúng ta có thể sử dụng điện thoại di động khi đang lái xe miễn là không gây tai nạn giao thông. | Trường hợp không dùng tay sử dụng điện thoại khi đang lái xe thì vẫn được phép. Ví dụ người đang lái xe ô tô điều khiển điện thoại bằng giọng nói, hoặc nghe điện thoại mà không dùng tay cầm điện thoại. | Người đang lái xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp, xe đạp máy không được dùng tai nghe, không được dùng tay sử dụng điện thoại di động. Người điều khiển ô tô đang chạy trên đường không được dùng tay sử dụng điện thoại di động |
| c) Sau khi đã mua CD ca nhạc, chúng ta có thể sao chép, chia sẻ lên mạng xã hội cho bạn bè. | Không | Sao chép, chia sẻ sản phẩm khi chưa được phép của tác giả, chủ sở hữu là vi phạm bản quyền. |
| d) Học sinh có thể thu âm lời giảng của thầy cô giáo trên lớp để nghe lại những phần chưa hiểu rõ. | Về pháp luật, không có quy định cấm thu âm ở lớp học và việc sử dụng âm thanh thu được ở tình huống này không gây ảnh hưởng đến tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, về mặt đạo đức, văn hoá thì HS nên xin phép giáo viên trước khi thực hiện thu âm. | Không |
| e) Cần thực hiện thu âm lời nói đe doạ, bắt nạt em để cung cấp cho thầy, cô giáo hỗ trợ giải quyết. | Việc thu âm lời nói của người đe dọa, bắt nạt em là không vi phạm pháp luật và là cần thiết để cung cấp cho thầy, cô giáo hoặc cơ quan chức năng hỗ trợ giải quyết. | Không |
| g) Chúng ta có thể tuỳ ý sử dụng bất kì hình ảnh, âm thanh nào để làm màn hình nền, nhạc chờ, nhạc chuông cho điện thoại của bản thân mình. | Không | Việc sử dụng hình ảnh, âm thành kì dị, phản cảm làm màn hình nền, nhạc chờ, nhạc chuông điện thoại có thể gây khó chịu, làm phiền người khác |
| h) Nên sử dụng tai nghe khi nghe ca nhạc, xem phim, chơi trò chơi điện tử ở nơi có nhiều người. | Đây là các hình vi thể hiện người có văn hóa khi sử dụng thiết bị công nghệ số (lịnh sự, tôn trọng người khác). | Không |
| i) Luôn cố gắng trả lời tin nhắn sớm nhất có thể. |
| k) Nên nói xin phép, xin lỗi khi phải dừng trao đổi với bạn để nghe điện thoại |

***Bài tập 2.*** *Gợi ý:*

*HS chỉ ra được:*

*“Vân dùng điện thoại di động chụp một bài văn mẫu trong cuốn sách và gửi cho Long” là hành vi vi phạm bản quyền.*

*-“Long sử dụng phần mềm Word để gõ lại, chỉnh sửa, cắt xén bài văn mẫu này và nộp cho cô giáo để chấm điểm” là hành vi vi phạm đạo đức.*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS trao đổi nhóm đôi, phát biểu thảo luận trước lớp.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS trong phần Vận dụng SGK tr.19.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và thực hiện bài tập sau:

*Một số người có thói quen chụp ảnh, quay phim những gì họ gặp phải trong cuộc sống thường ngày và chia sẻ lên mạng xã hội. Theo em, thói quen này có thể dẫn đến vấn đề gì?*

- GV hướng dẫn, gợi ý:

*Một số người có thói quen chụp ảnh, quay phim những gì họ gặp phải trong cuộc sống thường ngày và chia sẻ lên mạng xã hội. Theo em, thói quen này có thể dẫn đến vấn đề vi phạm pháp luật. Vì khi quay phim, chụp ảnh có thể có hình ảnh của người khác, nếu không được sự đồng ý, cho phép thì người chụp ảnh, quay phim có thể bị kiện bởi hành vi đó là vi phạm pháp luật.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận nhóm và vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Các nhóm trình bày, trao đổi sản phẩm thực hành với nhóm đã đề xuất chủ đề.

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**E. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

* Ôn lại kiến thức đã học.
* Làm bài tập trong Sách bài tập Tin học 8.
* Đọc và tìm hiểu trước ***Bài 5: Sử dụng địa chỉ tương đối, tuyệt đối trong công thức.***

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

https://www.facebook.com/groups/vnteach/

https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/